

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Hằng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sang.

2. Ông Nguyễn Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Ngọc Yến Oanh** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Tổ K, ấp P, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số Y, đường N, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà L, vắng mặt ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Do quen biết nên vào năm 2002 bà và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Phạm Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Hoàng V, sinh ngày 23/8/2003. Nguyên vọng sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà L.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H, về con chung giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Ngày 17/02/2019 bà L khởi kiện yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc Hội, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2002 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ngày 17/02/2019 bà L khởi kiện yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 23/8/2003. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu giao con chung là cháu V cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu V hiện nay đã trên 07 tuổi, đang trực tiếp chung sống với bà L và cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi không công nhận quan hệ vợ chồng của bà L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu. Ông H có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Phạm Văn H;

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 23/8/2003 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này .

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001109 ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng